

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHAN THĂNG AN

**NGHIÊN CỨU MỐI QUAN HỆ GIỮA
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ BẤT BÌNH ĐẲNG
Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM TRUNG BỘ**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số : 62.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng, 2016

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học 1: PGS.TS Bùi Quang Bình

Người hướng dẫn khoa học 2: TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 1 PGS.TS. Lê Quốc Hội

Phản biện 2: PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

Phản biện 3: PGS.TS. Đào Hữu Hòa

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án cấp
Đại học Đà Nẵng vào ngày 20 tháng 3 năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Trung tâm thông tin học liệu – Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết

Bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế là hai hiện tượng đi liền với nhau trong quá trình phát triển của các quốc gia, cũng là những nội dung quan trọng nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Nhiều nghiên cứu cả trong và ngoài nước về mối quan hệ này đã được thực hiện. Kết quả cũng rất khác nhau bởi tùy theo bối cảnh, khoảng thời gian và đặc điểm của số liệu thu thập được. Nghiên cứu về chủ đề này ở Vùng Kinh tế trọng điểm Trung bộ (VKTTĐTB) thì chưa đề cập, đây là khoảng trống nghiên cứu khoa học. *Do đó, một nghiên cứu trong phạm vi VKTTĐTB sẽ cho phép kiểm chứng các kết quả đã được công bố, đồng thời chỉ ra những khác biệt có tính chất đặc thù ở đây sẽ là sự đóng góp mới cho nghiên cứu chủ đề này trong Kinh tế phát triển.*

Theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, VKTTĐTB được hình thành gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định với mục tiêu nhằm đột phá, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước với tốc độ cao và bền vững, tạo điều kiện nâng cao mức sống của toàn dân và nhanh chóng đạt được sự công bằng xã hội trong cả nước. Từ khi VKTTĐTB được thành lập cho đến nay, trong khả năng tìm hiểu của tôi, *chưa thấy có nghiên cứu nào để đánh giá về tăng trưởng kinh tế và BBĐ thu nhập ở vùng này thể hiện trong mối quan hệ tác động qua lại, làm cơ sở để kiến nghị các chính sách có liên quan tới tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội ở VKTTĐTB.*

Đó là những lý do để tôi chọn đề tài “*Nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng ở Vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ*” làm luận án nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Hoàn thiện khung lý thuyết và phương pháp đánh giá; Phân

tích thực trạng, xem xét tác động qua lại giữa tăng trưởng kinh tế và BBĐ thu nhập tại VKTTĐTB; Đề xuất một số hàm ý chính.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nội dung chủ yếu tập trung vào mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và BBĐ thu nhập. Về không gian, bao gồm 5 tỉnh, thành phố ở VKTTĐTB từ năm 2000 tới năm 2013.

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng kết hợp cả phương pháp định tính và định lượng.

5. Ý nghĩa khoa học của luận án

5.1. Những đóng góp về mặt học thuật, lý luận: Thứ nhất, kết quả của nghiên cứu này trong phạm vi VKTTĐTB sẽ cho phép kiểm chứng các kết quả đã được công bố, đồng thời chỉ ra những khác biệt có tính chất đặc thù ở đây sẽ là sự đóng góp mới của luận án. Thứ hai, góp phần củng cố lý thuyết về mối quan hệ nhân quả giữa tăng trưởng kinh tế và BBĐ thu nhập. Thứ ba, làm phong phú thêm kết quả nghiên cứu, góp phần gia tăng tri thức khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu này. Thứ tư, đây là một trong những số ít nghiên cứu ở Việt Nam lượng hoá được mối quan hệ tác động qua lại của BBĐ thu nhập và tăng trưởng kinh tế.

5.2. Những đóng góp về thực tiễn: Thứ nhất, ý tưởng xuyên suốt của luận án là cần có quan điểm toàn diện, sự nhận thức đúng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và BBĐ thu nhập trong phát triển. Thứ hai, đánh giá thực trạng BBĐ trong phân phối thu nhập và tăng trưởng kinh tế ở VKTTĐTB với những thành công nhưng vẫn còn nhiều bất cập. Thứ ba, cảnh báo cần cải thiện chính sách xã hội để giữ được ngưỡng hợp lý. Thứ tư, khẳng định sự cần thiết xây dựng cơ chế chính sách để tạo điều kiện cho những người tài năng, giỏi kinh doanh và các doanh nhân có thể làm giàu chính đáng. Thứ năm, hàm ý chú trọng phát triển y tế, giáo dục đào tạo để giải quyết mối quan hệ

giữa BBĐ thu nhập và tăng trưởng kinh tế. *Thứ sáu*, các hàm ý chính sách cũng sẽ là các gợi ý cho các nhà hoạch định chính sách cho các địa phương tại VKTTĐTB. *Thứ bảy*, kết quả của luận án sẽ là tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh ngành Kinh tế.

6. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu gồm 05 chương.

Chương 1: Khung lý thuyết nghiên cứu.

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Tình hình tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập ở Vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ.

Chương 4: Phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập ở Vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ.

Chương 5: Bàn luận và hàm ý chính sách.

CHƯƠNG 1

KHUNG LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận về tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập

1.1.1. Cơ sở lý luận về tăng trưởng kinh tế

Có nhiều nghiên cứu đã bàn luận tới khái niệm tăng trưởng kinh tế, các nghiên cứu của thế giới cũng như trong nước khi bàn tới tăng trưởng kinh tế thường tiếp cận 3 nội dung quan trọng: *Xu thế tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các yếu tố sản xuất tạo ra tăng trưởng kinh tế.*

1.1.2. Cơ sở lý luận về bất bình đẳng và bất bình đẳng thu nhập

Khái niệm về bất bình đẳng có rất nhiều, là những khái niệm rất rộng, thường xuyên tồn tại ở các quốc gia do nhiều nguyên nhân khác nhau, song nhiều nghiên cứu trên Thế giới đã tập trung vào 3 vấn đề lớn

được xem là gốc rễ của bất bình đẳng: những cơ hội trong cuộc sống, địa vị xã hội, ảnh hưởng chính trị. Và 3 vấn đề lớn này đều có liên quan hay tạo thành bất bình đẳng thu nhập hay *bất bình đẳng thu nhập được xem là cơ sở quan trọng của vấn đề bất bình đẳng xã hội nói chung. Sự khác biệt về thu nhập vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của những dạng BBĐ khác*. Chính vì vậy, khi phân tích vấn đề BBĐ, phạm vi của đề tài này chỉ giới hạn nghiên cứu ở BBĐ thu nhập.

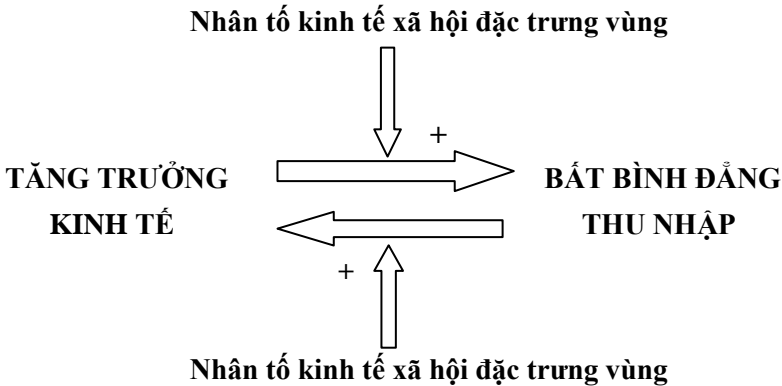
1.2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập

Tổng hợp các nghiên cứu trên Thế giới và Việt Nam về tác động của tăng trưởng kinh tế tới BBĐ thu nhập và ngược lại đã cho thấy rằng: có mối quan hệ giữa tăng trưởng và BBĐ thu nhập; xu thế tác động dương của tăng trưởng tới BBĐ thu nhập lúc đầu và tăng dần sau đó giảm dần trong quá trình phát triển; có mối quan hệ và tác động dương từ BBĐ thu nhập tới tăng trưởng kinh tế ở các ước lượng theo cách ngẫu nhiên và cố định. Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác cho rằng có tác động âm từ BBĐ thu nhập tới tăng trưởng kinh tế hay gọi là mối quan hệ khác dấu. Ngoài ra còn một số ít nghiên cứu trình bày kết quả không rõ ràng. Từ tổng quan các nghiên cứu, luận án đã tổng kết kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và BBĐ thu nhập và cơ sở lý luận về tăng trưởng kinh tế và BBĐ thu nhập ở các bảng 1.1, 1.2 và 1.3.

1.3. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Tăng trưởng kinh tế làm tăng BBĐ thu nhập ở Vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ. Giả thuyết 2: Bất bình đẳng thu nhập có tác động tới dương tới tăng trưởng kinh tế ở Vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ.

1.4. Mô hình kinh tế về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình



CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng

2.1.1. Nghiên cứu định tính

Phương pháp kế thừa: Tổng hợp kết quả các nghiên cứu cùng chủ đề và xem xét các điều kiện để có thể vận dụng vào phân tích nghiên cứu, được sử dụng để phân tích cho nhiều nội dung như tăng trưởng kinh tế, BBD thu nhập và mối quan hệ giữa chúng.

Phương pháp phỏng vấn sâu: Là phương pháp thu thập và xử lý những đánh giá, dự báo, thông tin thông qua việc tập hợp và hỏi ý kiến các chuyên gia am hiểu về một lĩnh vực nào đó với hình thức trả lời bằng câu hỏi điều tra. Đây là phương pháp phổ biến nhằm xử lý thông tin định tính.

2.1.2. Nghiên cứu định lượng

2.1.2.1. Phương pháp phân tích thống kê

a. Về phương pháp phân tích tăng trưởng kinh tế

- Phân tích xu hướng tăng trưởng kinh tế

Phương pháp phân tích xu hướng tăng trưởng kinh tế: So sánh

GDP, GNP của nền kinh tế theo phương pháp liên hoàn hay cố định kỳ gốc với quy mô, tốc độ và tỷ lệ tăng trưởng kinh tế.

Phương pháp phân tích và đánh giá chuyển dịch cơ cấu (CDCC) kinh tế: Đánh giá CDCC kinh tế theo mức và trình độ chuyển dịch hay tỷ lệ % đóng góp của các ngành vào tăng trưởng kinh tế. Tỷ lệ này phản ánh rõ bản chất cấu trúc nền kinh tế và tác động của CDCC đến tăng trưởng kinh tế.

Phương pháp phân tích các yếu tố sản xuất tạo ra tăng trưởng: phân tích đánh giá vai trò của vốn, lao động và TFP.

b. Về phương pháp phân tích BBD thu nhập

Khi nghiên cứu BBD thu nhập, các nghiên cứu thường sử dụng các chỉ tiêu cơ bản như hệ số GINI, khoảng cách giàu nghèo.

2.1.2.2. Mô hình kinh tế lượng

- *Phương pháp phân tích đánh giá tác động của tăng trưởng kinh tế tới BBD thu nhập:* kế thừa và bổ sung từ phương pháp nghiên cứu của Kuznets (1955), luận án đã tổng hợp việc lựa chọn và sử dụng các biến từ các mô hình nghiên cứu tác động của tăng trưởng kinh tế tới BBD thu nhập trên Thế giới và Việt Nam trong Bảng 2.2. Từ đó, tác giả lựa chọn mô hình để phân tích trong nghiên cứu như sau:

$$\text{In}gini_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \text{In}pergdp_{i,t-1} + \beta_2 Z_{i,t} + u_{i,t} \quad (30)$$

Trong đó: $\text{In}gini_{i,t}$: biến đại diện cho BBD thu nhập; $\text{In}pergdp_{i,t-1}$: biến đại diện cho tăng trưởng kinh tế (pergdp là thu nhập đầu người hay GDP/người); Z : là biến đại diện cho đặc trưng kinh tế xã hội tại VKTTĐTĐTB. Việc lấy logarit (Ln) của các biến là để giảm sự biến thiên giữa các quan sát trong số liệu không gian, nhằm tránh vi phạm các giả thiết của mô hình.

- *Phương pháp phân tích đánh giá tác động của BBD thu nhập tới tăng trưởng kinh tế:* Luận án đã tổng hợp việc lựa chọn và sử dụng các biến từ các mô hình nghiên cứu tác động của BBD thu nhập tới tăng

trường kinh tế trên Thế giới và Việt Nam tại Bảng 2.4. Từ đó tác giả đã lựa chọn mô hình để phân tích trong nghiên cứu này như sau:

$$\ln gdp_{it} = \beta_0 + \beta_1 \ln kcgngheo_{it-1} + \beta_2 Z_{it} + u_i, \quad (39)$$

Trong đó: $\ln gdp_{it}$: là biến đại diện cho tăng trưởng kinh tế; $\ln kcgngheo_{it-1}$: là biến đại diện cho BBĐ thu nhập; Z là biến đại diện cho đặc trưng kinh tế xã hội tại VKTTĐTB. Việc lấy logarit (Ln) của các biến là để giảm sự biến thiên giữa các quan sát trong số liệu không gian, nhằm tránh vi phạm các giả thiết của mô hình.

2.2. Phương pháp thu thập thông tin và số liệu

2.2.1. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp: thực hiện phỏng vấn sâu thông qua phiếu điều tra các chuyên gia.

2.2.2. Phương pháp thu thập thông tin và số liệu thứ cấp

Số liệu được công bố hàng năm bởi Cục Thống kê các tỉnh trong VKTTĐTB và của Tổng cục Thống kê giai đoạn 2000- 2013.

CHƯƠNG 3

TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP Ở VKTTĐTB

3.1. Giới thiệu chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của VKTTĐTB

VKTTĐTB được thành lập theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ số 1018/1997/QĐ-TTg ngày 29/11/1997, gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Sau đó, quy mô của vùng được mở rộng thêm tỉnh Bình Định tại Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2004 Thủ tướng Chính phủ. Từ thực trạng về phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương, tổng kết của các cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở và số liệu điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam, điều tra lao động việc làm ở Việt Nam., nghiên cứu đã lựa chọn được một số yếu tố mang tính đặc trưng kinh tế xã hội của VKTTĐTB, là cơ sở để lựa chọn các biến đặc trưng cho phân tích ở chương 4.

3.2. Tình hình tăng trưởng kinh tế tại VKTTĐTB

3.2.1. Xu thế tăng trưởng kinh tế

Nhìn chung, xu thế tăng trưởng kinh tế của VKTTĐTB và từng tỉnh thành phố thể hiện (i) tích cực: đang dốc lên và khá ổn định; (ii) khiêm khuyết: tăng trưởng kinh tế của vùng và các tỉnh đã chậm lại, các động lực của tăng trưởng đang yếu dần và cần phải có những cú hích mới cho các động lực của nền kinh tế.

3.2.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Kết quả nghiên cứu cho thấy CDCCKT theo hướng CNH của khu vực này vẫn chưa thúc đẩy tăng năng suất và khai thác tiềm năng lao động ở đây cho tăng trưởng kinh tế. Ngành dịch vụ đang là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế, ngành công nghiệp đang từng bước khẳng định vai trò nhưng vẫn còn là động lực chưa mạnh, tỷ trọng của mức tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp rất thấp trong tăng trưởng và do đó thu nhập tăng thêm của lao động nông nghiệp cũng khá thấp. Khu vực kinh tế tư nhân ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế những vẫn còn hạn chế, chưa đúng với tiềm năng của khu vực này. Kinh tế nhà nước vẫn đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng chung.

3.2.3. Các yếu tố sản xuất tạo ra tăng trưởng kinh tế

a. Yếu tố vốn: Tổng số vốn đầu tư (theo giá hiện hành) được huy động vào tăng trưởng kinh tế VKTTĐTB là khá lớn, từ 8.786,6 tỷ năm 2000 tăng lên 78.548 tỷ năm 2013. Trung bình trong 14 năm vốn đầu tư ở đây tăng khoảng 14,8%. Hệ số ICOR của VKTTĐTB từ năm 2000 đến năm 2010 có xu hướng tăng và giảm ở giai đoạn 2011-2013 và có mức trung bình thấp hơn ở Việt Nam.

b. Yếu tố lao động: Kết quả nghiên cứu cũng đã cho thấy VKTTĐTB: (i) Tỷ lệ huy động lao động vào nền kinh tế khá cao; Năng suất lao động (NSLĐ) có mức tăng trưởng khá và đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế; (ii) Tiềm năng lao động của vùng còn khá lớn;

NSLĐ có sự chênh lệch giữa các tỉnh.

c. Yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp – TFP: Giá trị TFP của VKTTĐTB nhìn chung có xu thế tăng dần theo thời gian, điều này hàm ý rằng các khu vực này đã có sự quan tâm tới cải thiện thể chế, hoàn thiện quản lý và cải thiện công nghệ trong các doanh nghiệp. Đóng góp của TFP chung cả vùng là 42,3%.

3.3. Tình hình bất bình đẳng thu nhập tại VKTTĐTB

Thu nhập cá nhân trung bình chung của vùng từ năm 2001 đến năm 2013 đã tăng khoảng 9,3 lần. Xu hướng thu nhập chung của Vùng và của các nhóm đều tăng, nhưng 2 nhóm nghèo nhất tăng chậm nhất và các nhóm giàu đều có mức tăng cao hơn trung bình. Đây là lý do khiến khoảng cách giàu nghèo đã tăng dần trong khoảng thời gian này. Xu hướng tăng dần của hệ số GINI trong những năm qua ở VKTTĐTB và các tỉnh ở đây đã hàm ý rằng BBĐ thu nhập đã tăng liên tục ở tất cả các địa phương ở đây tuy mức độ có sự khác nhau. Tỷ lệ nghèo của các tỉnh VKTTĐTB đã giảm nhiều những năm qua, nhưng tốc độ giảm đã chậm dần và vẫn cao hơn mức trung bình cả nước và việc giảm nghèo ngày khó khăn hơn nhiều.

CHƯƠNG 4

PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ BẤT BÌNH ĐẲNG Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM TRUNG BỘ

Chương này sẽ tập trung vào phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và BBĐ thu nhập ở VKTTĐTB. Việc phân tích sẽ kết hợp giữa phân tích định tính và định lượng nhằm làm rõ được các giả thuyết đã nêu ra. Các phân tích ở đây dựa trên các giả định sau: (i) Các nền kinh tế ở đây vẫn hoạt động bình thường theo quá trình CNH, HĐH và hội nhập kinh tế của Việt Nam, không có cú sốc lớn nào; (ii) Môi trường kinh tế vĩ mô được cải thiện dần theo quá trình cải cách hành

chính công ở Việt Nam; (iii) Quy mô dân số lao động được duy trì theo quá trình vận động vốn có không có sự biến động cơ học quá lớn; (iv) Điều kiện tự nhiên môi trường bình thường không có cú sốc quá lớn; (v) Khoảng thời gian nghiên cứu chỉ mang tính ngắn hạn; (vi) Số liệu thống kê của các địa phương thu thập được đảm bảo độ tin cậy cho nghiên cứu.

4.1. Phân tích tác động từ tăng trưởng kinh tế tới bất bình đẳng thu nhập ở VKTTĐTĐTB

4.1.1. Phân tích định tính

a. Kết quả các nghiên cứu trong và ngoài nước: các kết quả nghiên cứu trước đều chỉ ra rằng tác động của tăng trưởng tới BBĐ thu nhập là dương trong giai đoạn đầu phát triển. Các nghiên cứu này còn xem xét tác động của tăng trưởng tới BBĐ thu nhập cùng với các nhân tố kinh tế xã hội khác như sự phát triển của hệ thống y tế, yếu tố vốn con người hay tình trạng nghèo đói, độ mở của nền kinh tế hay các chính sách kinh tế xã hội khác...

b. Phân tích kết quả phỏng vấn sâu: Các ý kiến chuyên gia đều khẳng định nền kinh tế tăng trưởng liên tục những năm qua. Có tới 73% ý kiến khẳng định tồn tại tình hình BBĐ thu nhập trong dân cư những năm qua và tình hình này là khá mạnh. Có tới 70% ý kiến cho rằng tăng trưởng kinh tế làm cho BBĐ thu nhập tăng lên. Ý kiến này cũng hàm ý rằng tăng trưởng kinh tế tác động dương tới BBĐ thu nhập ở VKTTĐTĐTB. Có tới 67% ý kiến các chuyên gia cho rằng tăng trưởng kinh tế cao trong thời gian qua đã tạo cơ hội cho nhiều người giàu, nhưng cũng nhiều người nghèo hơn..

4.1.2. Phân tích định lượng

a. Phân tích thống kê

Từ số liệu thống kê qua các năm, tác giả đã xem xét mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và các yếu tố đặc thù kinh tế xã hội khác với BBĐ thu nhập tại VKTTĐTĐTB bằng đồ thị.

b. Ước lượng tác động

Các giả định đã được nêu ra ngay từ đầu chương. Thống kê và phân phối xác suất trong mô hình:

Bảng 4.1. Thống kê mô tả các biến trong mô hình (30)

Variable	Obs	Mean	Std. Dev.	Min	Max
Ingini	65	-11.34278	.4851005	-12.4753	-10.3938
gbsods	65	2.286423	.436445	1.33535	3.39317
tylengheo	65	19.74	5.848092	8.7	30.3
lnpergdp2000	65	1.385484	.4557036	.60081	2.3319
giahoa	65	40.13015	2.072575	37.01	44.96

(Nguồn: Xử lý từ Niên giám thống kê các tỉnh VKTTĐTB)

Bảng 4.1 trình bày một số thống kê cơ bản về các biến trong mô hình. Thực hiện khảo sát đồ thị của các biến độc lập của mô hình ước lượng, các phân bố này có dạng phân bố gần phân bố chuẩn, giá trị trung bình đại diện cho số đông nên có thể sử dụng làm biến độc lập.

Mô hình ước lượng:

$$\text{Ingini}_{it} = \beta_0 + \beta_1 \lnpergdp_{it-1} + \beta_2 \text{gbsods}_{it} + \beta_3 \text{giahoa}_{it} + \beta_4 \text{tylengheo}_{it} + u_{it} \quad (40)$$

Phương pháp ước lượng

Do số liệu theo tỉnh và trong khoảng thời gian từ 2001-2013 nên trong nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp ước lượng dữ liệu mảng theo *phương pháp tác động ngẫu nhiên và cố định*.

Kết quả ước lượng như bảng 4.3 và trong phụ lục 3.

Bảng 4.3. Kết quả ước lượng (với biến phụ thuộc là Ingini)

	Phương pháp	
	Random effects (REM)	Fixed effects (FEM)
Biến phụ thuộc Ingini		
lnpergdp2000	+0,4583808* (0,1875494)	+0,4427293** (0,1228178)

GBsoDS	-0,2263227*** (0,0616452)	-0,1954394** (0,0547561)
Tylengheo	-0,0210468* (0,0120497)	-0,0278591* (0,0116567)
Giahhoa	+0,0516782** (0,0166228)	+0,0593344** (0,017271)
Tung độ gốc	-13,11878*** 0,7669031	-13,34048*** (0,8034035)
R- sq	0,8828	0,8817
Breusch-Pagan / Cook-Weisberg test for heteroskedasticity	Điều chỉnh bằng robust	Prob>chi2 = 0,9320
vif	<10	<10
Durbin-Watson	1,1870981	1,1870981
Tương quan chuỗi: Wooldridge test for autocorrelation in panel data	Prob > F = 0,0293	
N	65	65
Prob>F	0,0000	0,0000
Hausman test	Prob>chi2 = 0,0000	

Ghi chú: trong () là độ lệch chuẩn, ***, **, * là mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%

(Nguồn: Xử lý từ Niên giám thống kê các tỉnh VKTTĐTĐTB)

Khi ước lượng bằng REM và FEM kết quả các kiểm định đều có ý nghĩa thống kê ở mức $< 0,05$ cụ thể:

Thứ nhất, qua kết quả phân tích sau $P(F) = 0,000 < 0,05$ nên có thể khẳng định tồn tại mối quan hệ giữa các biến và chấp nhận giả thiết hệ số hồi quy của các biến khác không. Tức là mô hình phù hợp.

Thứ hai, các kiểm định t với kết quả tại biểu Coefficients, tất cả các giá trị Sig. = p(t) tương ứng với các biến đều có ý nghĩa thống kê ở mức 0,05.

Thứ ba, kiểm định Breusch – Pagan có Prob > chi2 $> 0,05$ cho

phép kết luận mô hình không tồn tại hiện tượng phương sai không đồng nhất với FEM và đã điều chỉnh khắc phục với REM.

Thứ tư, các giá trị VIF gắn với các biến giải thích (biến độc lập) đều nhỏ hơn 10 cho thấy mô hình không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến.

Thứ năm, hệ số Durbin-Watson đều nằm trong khoảng 1 đến 3 cho thấy mô hình không có hiện tượng tự tương quan.

Thứ sáu, hệ số tương quan khoảng 0,88 cho biết sự thay đổi của BBĐ thu nhập theo GINI được giải thích từ sự tác động của tăng trưởng và các nhân tố kinh tế xã hội là khoảng hơn 88%.

Thứ bảy, với kết quả kiểm định hausman test như trong bảng 4.3 gợi ý rằng sử dụng kết quả của phương pháp FEM tốt hơn.

Thứ tám, kiểm định tương quan chuỗi có $\text{Prob} > F = 0,0293$ nghĩa là mô hình không có hiện tượng tương quan chuỗi.

Hai kết quả này có các hệ số hồi quy tương đồng và cùng dấu, chỉ khác nhau độ lệch chuẩn.

Như vậy tăng trưởng kinh tế tác động dương tới BBĐ thu nhập như kết quả các nghiên cứu định tính đã chỉ ra. Hệ số hồi quy là +0,4427293 cho biết nếu tăng trưởng GDP/ng tăng 1% thì GINI hay BBĐ thu nhập sẽ tăng 0,442% với giả định các nhân tố khác không đổi.

Những kết quả này dường như khá thống nhất với kết quả phân tích định tính ở trên. *Có thể kết luận rằng tăng trưởng kinh tế có tác động dương tới BBĐ thu nhập ở đây.*

4.2. Phân tích tác động từ bất bình đẳng thu nhập tới tăng trưởng kinh tế ở VKTTĐTĐTB

4.2.1. Phân tích định tính

a. Kết quả các nghiên cứu trong và ngoài nước: Nghiên cứu tác động của BBĐ thu nhập tới tăng trưởng kinh tế có nhiều kết quả từ các nghiên cứu khác nhau.

b. Phân tích kết quả phỏng vấn sâu: Các chuyên gia đều khẳng định nền kinh tế địa phương của họ tăng trưởng trong những năm qua, nhưng tình trạng BBD thu nhập tồn tại và diễn ra khá mạnh và tình trạng BBD thu nhập lại có tác động thuận tới tăng trưởng kinh tế, phân hóa giàu nghèo diễn ra mạnh kéo theo nhiều người giàu lên nhưng họ cũng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Có 60% ý kiến cho rằng những người giàu sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm.

4.2.2. Phân tích định lượng

a. Phân tích thống kê

Xử lý số liệu từ Niên giám thống kê các tỉnh VKTTĐTB và số liệu Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam và biểu diễn bằng đồ thị để xem xu hướng thay đổi mối quan hệ giữa BBD thu nhập qua chỉ số khoảng cách thu nhập và các yếu tố đặc trưng kinh tế xã hội khác với tăng trưởng GDP - lnGDP.

b. Ước lượng tác động

Các giả định cho phân tích đã nêu ở phần đầu chương 4 nên không nhắc lại. Phần tiếp theo sẽ giới thiệu từng nội dung kết quả ước lượng. Từ số liệu thứ cấp được thu thập có thể hình thành Bảng thống kê mô tả như dưới đây:

Bảng 4.6. Thống kê mô tả các biến trong mô hình (39)

Variable	Obs	Mean	Std. Dev.	Min	Max
lnngdp	65	8.694801	.4778436	7.783406	9.582983
lnkcgngheo	65	1.771083	.0759489	1.625069	1.928213
tđcmv	65	-.887767	.2298848	-.4225	1.32
tysuatxuatcu	65	-7.899869	1.81032	-11.9	-5.1
vl	65	49.80292	5.425513	40.27	58.3

(Nguồn: Xử lý từ Niên giám thống kê các tỉnh VKTTĐTB)

Thống kê cơ bản của các biến khác được sử dụng trong mô hình được thể hiện trong bảng 4.6. Với mô hình hồi quy tuyến tính, phân bố xác suất của sai số ngẫu nhiên chính là phân bố xác suất của biến độc lập, do vậy để sai số ngẫu nhiên có phân bố chuẩn thì biến độc lập phải có phân bố chuẩn. Do vậy ở đây sẽ thực hiện khảo sát đồ thị của các biến được dùng như biến độc lập trong mô hình phân tích.

Mô hình và phương pháp ước lượng tác động của BBĐ thu nhập tới tăng trưởng kinh tế như sau:

$$\ln gdp_{it} = \beta_0 + \beta_1 \ln kcgngheo_{it-1} + \beta_2 tdcmnv_{it} + \beta_3 tysuatxuatcu_{it} + \beta_4 VL_{it} + u_{it} \quad (41)$$

Kết quả ước lượng

Với số liệu theo tỉnh ở VKTTĐTB và thời gian từ 2001-2013 nên trong nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp ước lượng dữ liệu mảng theo phương pháp tác động ngẫu nhiên và cố định.

Bảng 4.8. Kết quả ước lượng (với biến phụ thuộc là $\ln gdp$)

	Phương pháp	
	Random effects (REM)	Fixed effects (FEM)
Biến phụ thuộc $\ln gdp$		
lnkcgngheo	+1,384478** (0,5652227)	+1,146857** (0,3353408)
tdcmnv	+0,4109874*** (0,1032015)	+0,6581259** (0,1186717)
tysuatxuatcu	-0,0289083*** (0,0062173)	-0,0334418* (0,0156964)
VL	+0,0438201*** (0,0078907)	+0,0324603** (0,0094097)
Tung độ gốc	+3,467172*** (0,7214664)	+ 4,198554** (0,4171756)
R- sq	0,9559	0,9531
Breusch-Pagan / Cook-Weisberg test for heteroskedasticity	Điều chỉnh bằng robust	Điều chỉnh bằng robust
vif	<10	<10
Durbin-Watson	1,3000671	1,3000671
N	65	65
Tương quan chuỗi: Wooldridge test for autocorrelation in panel data	Prob > F = 0,0117	
Prob>F	0,0000	0,0000
Hausman test	Prob>chi2 = 0,0000	

*Ghi chú: trong () là độ lệch chuẩn, ***, **, * là mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%
(Nguồn: Xử lý từ Niên giám thống kê các tỉnh VKTTĐTB và số liệu
Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam)*

Khi ước lượng bằng REM và FEM kết quả các kiểm định đều có ý nghĩa thống kê ở mức $< 0,05$ cụ thể:

Thứ nhất, qua kết quả phân tích sau $P(F) = 0,000 < 0,05$ nên có thể khẳng định tồn tại mối quan hệ giữa các biến và chấp nhận giả thiết hệ số hồi quy của các biến khác không. Tức là mô hình phù hợp.

Thứ hai, các kiểm định t với kết quả tại biểu Coefficients, tất cả các giá trị Sig. = p(t) tương ứng với các biến đều có ý nghĩa thống kê ở mức 0,05.

Thứ ba, kiểm định Breusch – Pagan có Prob > chi2 $< 0,05$ đã điều chỉnh khắc phục với cả hai phương pháp.

Thứ tư, các giá trị VIF gắn với các biến giải thích (biến độc lập) đều nhỏ hơn 10 cho thấy mô hình không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến.

Thứ năm, hệ số Durbin-Watson đều nằm trong khoảng 1 đến 3 cho thấy mô hình không có hiện tượng tự tương quan.

Thứ sáu, hệ số tương quan khoảng hơn 0,95 cho biết sự thay đổi của tăng trưởng kinh tế - lngdp được giải thích từ sự tác động của BBD thu nhập theo khoảng cách thu nhập và các nhân tố kinh tế xã hội là khoảng hơn 95%.

Thứ bảy, với kết quả kiểm định hausman test như trong bảng 4.8 gợi ý rằng sử dụng kết quả của phương pháp FEM tốt hơn.

Thứ tám, kiểm định tương quan chuỗi có Prob > F = 0,0117 nghĩa là mô hình không có hiện tượng tương quan chuỗi.

Như vậy BBD thu nhập vẫn tác động dương tới tăng trưởng kinh tế như kết quả các nghiên cứu định tính đã chỉ ra. Hệ số hồi quy là +1,146857 cho biết nếu khoảng cách thu nhập tăng 1% thì GDP sẽ tăng 1,14% với giả định các nhân tố khác không đổi.

Những kết quả này dường như khá thống nhất với kết quả phân tích định tính ở trên. *Có thể kết luận rằng BBD thu nhập có tác động*

duyệt tới tăng trưởng kinh tế ở đây.

4.3. Những hạn chế của phương pháp ước lượng

Số quan sát còn ít, khoảng thời gian ngắn nên chỉ cho kết quả trong ngắn hạn. Đồng thời chưa thể xác định được tác động dài hạn của tăng trưởng kinh tế tới BBĐ thu nhập bằng phương pháp khác ví dụ phương pháp đồng kết hợp. Ngoài ra hiện tượng tương quan chéo trong các đơn vị cá nhân trong cùng thời điểm cũng chưa được xem xét.

CHƯƠNG 5

BÀN LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

5.1. Bàn luận kết quả

5.1.1. Về tăng trưởng kinh tế: Trong khoảng thời gian từ 2000-2013, nền kinh tế của VKTTĐTB cũng như các tỉnh ở đây đã có sự tăng trưởng khá nhanh và ổn định, khá tốt hơn với mặt bằng chung của miền Trung và Tây Nguyên. Quá trình CDCCKT tích cực và đúng hướng đã và đang tạo ra các động lực mới cho tăng trưởng kinh tế. Trong nền kinh tế này các ngành công nghiệp, dịch vụ và khu vực kinh tế tư nhân đang trở thành những động lực chính cho quá trình tăng trưởng ở đây. VKTTĐTB đã khai thác tốt các nguồn lực cho phát triển đặc biệt là vốn, đất đai, lao động và thể chế. Bên cạnh những thành công đó cũng còn nhiều vấn đề mà nền kinh tế này cần phải giải quyết. Đó là: *Đà tăng trưởng của nền kinh tế đã có dấu hiệu chậm lại; các động lực của tăng trưởng đang yếu dần và cần phải có những cú hích mới cho các động lực của nền kinh tế; CDCCKT vẫn chưa thúc đẩy tăng năng suất và khai thác tiềm năng lao động, chưa thúc đẩy sự phát triển khu vực nông thôn; Dấu ấn của nền kinh tế tăng trưởng dựa vào các yếu tố chiều rộng khá rõ nét và chưa cho phép tạo ra gia tốc mới cho nền kinh tế. Chưa tận dụng được những cơ hội do đổi mới thể chế kinh tế ở Việt Nam và quá trình hội nhập của Việt Nam.*

5.1.2. Về bất bình đẳng thu nhập: Tình trạng BBĐ thu nhập tại

VKTTĐTĐTB và các tỉnh ở đây đều đã tăng liên tục từ năm 2001 tới năm 2013 và khoảng cách BBD thu nhập ngày càng có xu hướng dần rộng theo quá trình tăng trưởng. BBD thu nhập tăng theo quá trình tăng trưởng kinh tế và có thể cảm nhận được. Tuy khoảng cách giàu nghèo có dần ra nhưng thu nhập và mức sống của các nhóm đều tăng và được cải thiện. Cơ cấu thu nhập đã có những chuyển biến tích cực khi tỷ lệ từ tiền công tiền lương và từ khu vực phi nông nghiệp tăng dần. Thực tế thu nhập của nhóm giàu đang tăng mạnh hơn nhiều so với nhóm nghèo và mức chi tiêu cũng như cơ cấu chi tiêu của họ cũng cao và có chất lượng hơn. *Người nghèo có khả năng tích lũy thấp hơn và chi tiêu thấp hơn nhất là cho y tế giáo dục, nghĩa là khả năng đầu tư cho vốn vật chất và con người của họ thấp nên thu nhập tương lai cũng hạn chế.* Đường như BBD thu nhập đang thể hiện rằng kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đang tạo điều kiện cho những người có tài năng, có trình độ biết nắm bắt cơ hội để đầu tư ngày càng giàu. Nhiều người trong đó đã đóng góp vào sự tăng trưởng và tạo việc làm. Nhưng bên cạnh đó nó cũng phân hóa lớn để hình thành nhóm nghèo do nhiều lý do. Đó chính là tính hai mặt của bất bình đẳng thu nhập.

5.1.3. Về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và BBD thu nhập:

a. Tác động từ tăng trưởng kinh tế tới BBD thu nhập

Tăng trưởng kinh tế có tác động dương tới BBD thu nhập. Hệ số hồi quy là +0,44 cho biết nếu thu nhập bình quân đầu người tăng 1% thì GINI sẽ tăng 0,44% với giả định các nhân tố khác không đổi. Kết quả này cũng cho thấy nhân tố này có mức độ tác động mạnh. Về chiều hướng tác động này trong ngắn hạn cũng tương đồng với nhiều kết quả nghiên cứu trên Thế giới trong sử dụng số liệu ngắn hạn. Có thể thấy tăng trưởng kinh tế tại VKTTĐTĐTB đang làm cho BBD thu nhập tăng nhưng không lớn lắm những năm qua. Điều này cũng cho thấy các

chính sách của Việt Nam về xã hội đã phát huy tác dụng góp phần giảm tác động của tăng trưởng tới BBĐ thu nhập. Đi cùng với tăng trưởng kinh tế, các yếu tố kinh tế xã hội khác cũng có mức tác động khác nhau tới BBĐ thu nhập nhưng ở mức độ không mạnh so với tác động từ tăng trưởng kinh tế.

b. Tác động từ BBĐ thu nhập tới tăng trưởng kinh tế

BBĐ thu nhập – thông qua biến khoảng cách giàu nghèo có tác động dương tới tăng trưởng kinh tế. Hệ số hồi quy của biến này là +1,15 cho biết nếu khoảng cách thu nhập tăng 1% thì GDP sẽ tăng 1,15% với giả định các nhân tố khác không đổi. Kết quả này cũng trùng với kết quả nghiên cứu khác ở Việt Nam nhưng có mức độ lớn hơn trong việc sử dụng số liệu ngắn hạn. Kết quả này cũng cho thấy BBĐ thu nhập ở VKTTĐTB vẫn đang trong ngưỡng chấp nhận được. Đồng thời BBĐ thu nhập ở đây đang kích thích người dân làm giàu vượt lên. Các doanh nhân đang là những người giàu sẽ trực tiếp đóng góp vào tăng trưởng cũng như tạo ra nhiều việc làm thu nhập cho lao động. Nói như vậy không có nghĩa là không cần cải thiện tình trạng BBĐ thu nhập. Bởi lẽ khi tình trạng này vượt quá ngưỡng chấp nhận, tác động “xấu” của nó mạnh hơn sẽ lấn át tác động tốt khi đó sẽ tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế.

c. Bàn về mối quan hệ nhân quả giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập

Các kết quả từ mục 4.1.2 và mục 4.2.2 đã cho thấy tồn tại sự tác động qua lại giữa tăng trưởng kinh tế và BBĐ thu nhập hay tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa chúng. Kết quả này cũng trùng với kết quả đã thực hiện ở Việt Nam. Ở đây sử dụng số liệu thống kê trong vòng 13 năm nên chỉ có thể kết luận mối quan hệ nhân quả giữa tăng trưởng kinh tế và BBĐ thu nhập ở VKTTĐTB tồn tại trong ngắn hạn. Hàm ý rằng các kết quả của nghiên cứu chỉ hữu ích cho các nhà hoạch định

chính sách trong ngắn hạn và khả năng để mở rộng hướng nghiên cứu này trong dài hạn. Và cũng cho thấy để duy trì tính bền vững trong dài hạn thì các chính sách liên quan tới mục tăng trưởng cũng cần lồng ghép và gắn liền với chính sách xã hội.

5.2. Hàm ý chính sách

Thứ nhất, (i) Lấy lại và duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế khoảng 8% năm tùy theo khả năng của địa phương. Tăng trưởng kinh tế ở VKTTĐTB phải thực sự trở thành động lực cho sự phát triển của cả vùng miền Trung – Tây Nguyên. (ii) Thực hiện liên kết chặt chẽ và phân công lao động hợp lý giữa các tỉnh trong vùng tạo ra sự hỗ trợ lẫn nhau thay vì cạnh tranh. (iii) Điều chỉnh cách thức tạo ra tăng trưởng theo hướng thúc đẩy chuyển từ chủ yếu gia tăng sản lượng nền kinh tế theo chiều rộng sang gia tăng sản lượng hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. (iv) Cần phải quan tâm hơn tới chính sách phân phối ngay từ bảo đảm yếu tố sản xuất để tạo việc làm tăng thu nhập giảm nghèo bền vững.

Thứ hai, (i) Xu thế BBĐ thu nhập tăng theo quá trình tăng trưởng trong ngắn hạn thường ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa của các nền kinh tế là một thực tế khách quan cần được nhận thức đúng và không né tránh. Cần tránh tư tưởng sợ BBĐ thu nhập tăng mà hạn chế tăng trưởng kinh tế, kìm hãm khả năng làm giàu chính đáng của người dân nhất là doanh nghiệp. (ii) Trong bối cảnh các tỉnh trong VKTTĐTB cần có những chính sách kinh tế phù hợp để tiếp tục kích thích tăng trưởng kinh tế để có thể duy trì và tăng nhanh thu nhập của tất cả các nhóm dân cư. (iii) Các tỉnh trong VKTTĐTB cần có những chính sách xã hội phù hợp hơn không chỉ để bảo đảm phân phối lại thu nhập tốt hơn mà còn cải thiện và giúp cho người nghèo nhiều cơ hội để hưởng thụ các dịch vụ xã hội với chất lượng ngày càng cao,

trong đó đặc biệt là dịch vụ y tế, giáo dục đào tạo và an sinh xã hội. (iv) Các tỉnh trong VKTTĐTB cần có sự phối hợp và liên kết các chính sách kinh tế xã hội để bảo đảm sự phát triển cao ở tất cả các tỉnh.

Thứ ba, BBD thu nhập tăng khá nhanh trong những năm qua. Sự gia tăng của hiện tượng này lại tác động thuận tới tăng trưởng kinh tế và điều này cũng trùng với kết quả các nghiên cứu khác trên thế giới và ở Việt Nam. Do đó, cần nhận thức đúng về tính hai mặt của hiện tượng này. Một mặt nó làm cho khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa các nhóm dân cư cao hơn, phân hóa giàu nghèo sẽ lớn hơn. Mặt khác nó tạo ra khả năng tích lũy cao cho những người có điều kiện và khả năng về trình độ cao về mọi mặt và biết nắm bắt cơ hội kinh doanh để tạo ra thu nhập cho mình và công ăn việc làm đóng góp thuế cho nền kinh tế.

Thứ tư, cần có chính sách và giải pháp cải thiện dịch vụ y tế ở các tỉnh trong VKTTĐTB theo hướng phát triển một ngành dịch vụ của nền kinh tế bảo đảm cung cấp dịch vụ với chất lượng cao và tạo ra nhiều giá trị gia tăng từ đó vừa đóng góp vào tăng trưởng vừa bảo đảm cung cấp dịch vụ cho các nhóm yếu thế và người nghèo.

Thứ năm, tạo điều kiện phát triển hệ thống giáo dục đào tạo theo hướng nâng cao hiệu quả và hiệu năng của hệ thống này để đẩy nhanh quá trình tích lũy vốn nhân lực cho khu vực. Tập trung đào tạo nghề cho lao động nhất là lao động nông thôn và thanh niên để tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề.

Thứ sáu, cần điều chỉnh chiến lược giảm nghèo theo hướng bền vững hơn, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các nguồn lực và nâng cao khả năng sản xuất kinh doanh, giảm dần trợ cấp và bảo trợ. Cần có những chính sách đặc thù với các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số của các địa phương.

Thứ bảy, quan tâm chăm sóc người già nhất là ở vùng nông

thôn, vùng sâu vùng xa. Trong bối cảnh hiện tượng già hóa ngày càng nhanh, một mặt tổ chức thực hiện tốt luật người cao tuổi trong xã hội, đồng thời với việc hoàn thiện chính sách an sinh xã hội.

Thứ tám, cần đẩy nhanh quá trình hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đáp ứng với yêu cầu thực tế ở Việt Nam. Chính sách này cần hoàn thiện theo hướng đồng bộ với tất cả các bộ phận khác của lưới an sinh xã hội.

5.3. Những hạn chế của nghiên cứu và hướng khắc phục

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế là một nội dung lớn trong kinh tế phát triển và nó có thể được nghiên cứu trên nhiều khía cạnh khác nhau. Nghiên cứu này chỉ tập trung vào làm rõ xu hướng tăng trưởng, thay đổi cấu trúc kinh tế tạo ra tăng trưởng, cách thức tạo ra tăng trưởng từ các yếu tố sản xuất và đề cập tới giải quyết các vấn đề xã hội trong tăng trưởng. Một số nội dung vẫn chưa được đề cập. *Thứ hai*, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và BBD thu nhập khá phức tạp trong nghiên cứu cho dù đã được nghiên cứu nhiều. Nghiên cứu này rất khó có thể đề cập hết các đặc thù của mỗi địa phương trong quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, năng lực của một người mới đang trong quá trình “học” nghiên cứu nên việc giải quyết vấn đề khó có thể không có khiếm khuyết. *Thứ ba*, Trong nghiên cứu này các dữ liệu được thu thập từ nhiều nguồn như niên giám thống kê các tỉnh trong VKTTĐTĐTB, của Tổng cục Thống kê, tuy cùng tiêu thức nhưng mức độ đồng nhất khó đảm bảo. Khoảng thời gian của dữ liệu thống kê chỉ là 13 năm nên không đủ dài để xem xét xu thế tác động của tăng trưởng kinh tế tới BBD thu nhập và ngược lại trong dài hạn. *Thứ tư*, phương pháp ước lượng được thực hiện trên đây cũng còn một số nhược điểm. Đó là: số quan sát còn ít, khoảng thời gian ngắn nên chỉ cho kết quả trong ngắn hạn; Đồng thời chưa thể xác định được tác động dài hạn của tăng trưởng kinh tế tới BBD thu nhập bằng phương pháp khác ví dụ phương

pháp đồng kết hợp; Ngoài ra hiện tượng tương quan chéo trong các đơn vị cá nhân trong cùng thời điểm cũng chưa được xem xét.

KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu có thể rút ra những kết luận như sau:

Thứ nhất, Khung lý thuyết của luận án đã làm rõ cơ sở lý luận về tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập và khái quát kết quả các nghiên cứu trong và ngoài nước về mối quan hệ này. Các kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng tăng trưởng kinh tế và BBD thu nhập có mối quan hệ với nhau và tùy theo bối cảnh và trình độ phát triển kinh tế của quốc gia. Một nghiên cứu về mối quan hệ này ở vùng kinh tế cụ thể còn thiếu vắng ở Việt Nam. Nhưng có thể vận dụng kết quả các nghiên cứu vào nghiên cứu cho vùng nếu gắn với đặc thù của vùng.

Thứ hai; Để chứng tỏ các giả định và đạt được mục tiêu của nghiên cứu, luận án đã kết hợp nhiều phương pháp khác nhau bao gồm cả định tính và định lượng để phân tích từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau.

Thứ ba; Trong giai đoạn 2000 -2013, nền kinh tế VKTTĐTB tăng trưởng khá nhanh, ổn định, CDCCKT tích cực. Thành quả của tăng trưởng kinh tế đã giúp cải thiện không ngừng đời sống của người dân. Nhưng cùng với quá trình này tình trạng BBD thu nhập tại VKTTĐTB và các tỉnh ở đây đều đã tăng liên tục, khoảng cách BBD thu nhập có xu hướng dẫn rộng theo thời gian. Đi cùng với quá trình đó là nhiều vấn đề kinh tế xã hội lớn nảy sinh ở đây như tình trạng di dân đi rất lớn, già hóa dân số cao, trình độ lao động thấp và thiếu việc làm, sự yếu kém của hệ thống cung cấp dịch vụ y tế...

Thứ tư; Kết quả nghiên cứu đã cho phép khẳng định trong thời gian từ 2000- 2013, tăng trưởng kinh tế ở VKTTĐTB tác động dương hay làm tăng BBD thu nhập ở đây. Cùng với đó, các nhân tố đặc thù

của VKTTĐTB có chiều hướng tác động tới BBĐ thu nhập khác nhau: việc cải thiện điều kiện y tế sẽ có tác động giảm bớt tình trạng BBĐ thu nhập, Tình trạng nghèo có tác động âm nhưng tình trạng già hóa ở VKTTĐTB lại có tác động làm tăng BBĐ thu nhập.

Thứ năm; Cũng trong giai đoạn 2000-2013, theo chiều ngược lại, kết quả phân tích đã chỉ ra BBĐ thu nhập tăng trong những năm qua đã tác động thuận hay thúc đẩy tới tăng trưởng kinh tế ở VKTTĐTB. Ngoài ra, các nhân tố đặc thù của VKTTĐTB cũng có tác động tới tăng trưởng kinh tế khác nhau như trình độ chuyên môn của lao động có tác động thuận tới tăng trưởng kinh tế; tình trạng di dân đi có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế và tình hình việc làm có tác động dương tới tăng trưởng kinh tế ở đây.

Thứ sáu; khẳng định mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và BBĐ thu nhập tại VKTTĐTB là mối quan hệ nhân quả. Nhưng kết luận về mối quan hệ này ở đây chỉ có tính chất ngắn hạn.

Thứ bảy; Với những đặc thù của VKTTĐTB trong những năm tới để tăng trưởng kinh tế nhanh, ổn định và hạn chế BBĐ thu nhập cần phải thực hiện các chính sách đồng kinh tế xã hội đồng bộ và hiệu quả.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN CỦA TÁC GIẢ

1. Lê Văn Đính, Phan Thăng An (đồng chủ biên) (2015), *Một số giải pháp phát triển bền vững Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung*, Nhà xuất bản lý luận chính trị.
2. Phan Thăng An (2015), “Tăng trưởng kinh tế ở Vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, số 04(89).2015.
3. Phan Thăng An (2015), “Bất bình đẳng thu nhập ở Vùng kinh tế trọng điểm trung bộ”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, Học viện Chính trị khu vực III Đà Nẵng, số 4(131)/2015.
4. Phan Thăng An (2015), “Tác động của tăng trưởng kinh tế tới bất bình đẳng (BBĐ) thu nhập ở Vùng kinh tế trọng điểm trung bộ”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, số 08(93).2015.
5. Phan Thăng An (2013), “Giải quyết tình trạng di dân tự do đến Đắc Lắc”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, số 04(65).2013.